



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến ngày 30/09/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		880.686.872.883	1.094.195.689.034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.489.821.940	64.283.124.830
1. Tiền	111		18.489.821.940	63.413.518.764
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	869.606.066
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10.000.000.000	11.968.540.785
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	11.968.540.785
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		794.696.623.278	856.622.505.313
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	645.589.879.526	471.999.893.863
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		148.908.868.759	348.622.626.433
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		282.195.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	18.043.161.858	39.466.199.367
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(18.127.481.865)	(3.466.214.350)
IV. Hàng tồn kho	140	9	48.765.783.958	144.186.557.651
1. Hàng tồn kho	141		48.765.783.958	144.186.557.651
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.734.643.707	17.134.960.455
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	8.273.086.594	9.055.717.435
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		461.557.113	70.468.417
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	8.008.774.603
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.065.176.826.370	935.879.382.514
II. Tài sản cố định	220		226.265.402.692	354.534.767.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	143.863.752.692	265.186.839.568
- Nguyên giá	222		160.476.588.692	292.583.445.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.612.836.000)	(27.396.606.051)
2. Tài sản cố định vô hình	227		82.401.650.000	89.347.927.909
- Nguyên giá	228		82.401.650.000	89.347.927.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.316.210.234	3.140.993.159
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.316.210.234	3.140.993.159
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	540.409.865.123	274.567.309.150
1. Đầu tư vào công ty con	251		198.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		106.881.626.363	105.881.626.363
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		295.089.294.645	295.089.294.645
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(59.561.055.885)	(136.478.611.858)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	10.075.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		296.185.348.321	303.636.312.728
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	296.185.348.321	303.636.312.728
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.945.863.699.253	2.030.075.071.548

U21
CC
CC
ATM
QUẢ
BANK

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/01/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.090.919.591.567	1.220.968.234.531
I. Nợ ngắn hạn	310		776.878.151.567	897.293.594.531
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	100.003.717.421	99.969.006.633
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		87.590.290.685	89.695.316.355
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.107.433.668	3.548.686.357
4. Phải trả người lao động	314		45.000.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		26.250.000	705.621.895
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5.202.632.114	27.692.013.301
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	576.954.062.482	670.734.184.793
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.948.765.197	4.948.765.197
II. Nợ dài hạn	330		314.041.440.000	323.674.640.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	314.041.440.000	323.674.640.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		854.944.107.686	809.106.837.017
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	854.944.107.686	809.106.837.017
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.761.921.400	9.761.921.400
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		155.132.006.286	109.294.735.617
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		109.294.735.617	86.756.135.489
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.837.270.669	22.538.600.128
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.945.863.699.253	2.030.075.071.548

Người lập



Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng



Bùi Thị Ngọc

Hải Phòng, Ngày 20/10/2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2018		Quý III/2017		MÃ SỐ B 02-DN Đơn vị: VND
			VND	VND	VND	VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	404.886.058.247	1.651.504.127.178	699.370.856.462	2.406.626.346.652	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		404.886.058.247	1.651.504.127.178	699.370.856.462	2.406.626.346.652	
4. Giá vốn hàng bán	11	19	402.830.483.076	1.578.084.413.399	656.720.613.341	2.269.012.533.529	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.055.575.171	73.419.713.779	42.650.243.121	137.613.813.123	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	6.617.033.529	10.937.893.549	2.059.370.216	8.635.142.277	
7. Chi phí tài chính	22	21	(46.138.262.378)	(16.528.837.975)	9.352.908.203	27.842.603.531	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.678.344.468	52.086.333.558	14.468.348.673	41.556.693.927	
8. Chi phí bán hàng	25	22	1.830.595.969	14.752.835.066	3.012.439.635	18.359.924.056	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	25.478.333.522	30.572.594.150	2.567.207.479	8.056.002.744	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		27.501.941.587	55.561.016.087	29.777.058.020	91.990.425.069	
11. Thu nhập khác	31		5.750.449	552.246.819	1.029.683.160	3.090.402.377	
12. Chi phí khác	32		29.953.074	159.783.966	769.317.319	2.372.262.419	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(24.202.625)	392.462.853	260.365.841	718.139.958	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		27.477.738.962	55.953.478.940	30.037.423.861	92.708.565.027	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

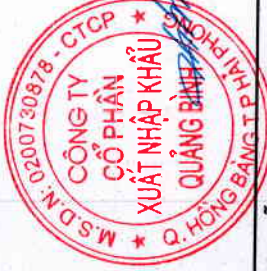
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2018		Quý III/2017		Lũy kế đến hết quý III/2017	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	4.409.097.843	10.116.208.271	6.012.063.137	18.556.799.150		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		23.068.641.119	45.837.270.669	24.025.360.724	74.151.765.877		

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Ngày 20/10/2018



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		55.953.478.940	92.708.565.027
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		15.725.874.609	10.180.589.418
- Các khoản dự phòng	03		(55.253.917.208)	(17.312.595.433)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	154.998.835
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.820.946.524)	(740.809.381)
- Chi phí lãi vay	06		52.086.333.558	41.556.693.927
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		61.690.823.375	126.547.442.393
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		31.934.715.985	(26.787.998.077)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		34.135.928.197	(91.022.280.308)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(28.037.132.426)	(84.382.741.069)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.566.437.656)	23.637.731.995
- Tiền lãi vay đã trả	14		(52.791.955.453)	(41.717.822.470)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.365.942.022	(94.525.667.536)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(9.060.969.382)	(33.448.278.565)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.245.818.182	17.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.075.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.499.713.247	7.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	24.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.569.515.352	2.767.236.837
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.254.077.399	7.243.958.272
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	(248.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33		168.131.600.618	1.615.990.330.923
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(271.544.922.929)	(1.758.692.086.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(103.413.322.311)	(142.949.755.085)

0731
ÔNG
CỔ P
T NH
QUẢN
BẢN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(45.793.302.890)	(230.231.464.349)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		64.283.124.830	241.533.791.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(1.131.742)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	18.489.821.940	11.301.195.563

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Ngày 20/10/2018

1876
TY
HÂN
ÁP K
G BÌ
G.T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

MÃ SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm về phân bón và hóa chất. Trong đó, hoạt động xuất khẩu DAP của Công ty chiếm 60% sản lượng xuất khẩu của cả nước, đồng thời, hoạt động nhập khẩu, phân phối Lưu huỳnh, axit Sulfuric của Công ty cũng chiếm 40%-50% thị phần tại Việt Nam. Ngoài ra, Công ty đã mở rộng đầu tư nhà máy sản xuất phân bón NPK với công suất 80.000 tấn/năm. Đồng thời, đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi ngoại quan, cảng ICD Quảng Bình - Đình Vũ với tổng diện tích 18ha tại Khu Công nghiệp Đình Vũ. Đây là cảng cạn đầu tiên của Hải Phòng và là một trong những cảng cạn lớn nhất khu vực phía Bắc, vừa có kết nối đường biển, vừa có kết nối với đường bộ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ
Văn phòng đại diện Móng Cái	Quảng Ninh	Thương mại và dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với số ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

11/01/2018
K
B
11/01/2018

R

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính hoặc tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

- | | | |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 40 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 15 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 | năm |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chỉ tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).



R

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

TU
NG
PH
NH
UANG
BANG

R

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.884.642.108	1.567.425.010
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.605.179.837	61.846.093.746
Các khoản tương đương tiền	-	869.606.066
	18.489.821.940	64.283.124.830

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận độc lập không thể tách rời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	-	10.000.000.000	11.968.540.785	11.968.540.785
Tiền gửi có kỳ hạn	-	10.000.000.000	11.968.540.785	11.968.540.785
Đầu tư dài hạn	-	-	10.075.000.000	10.075.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	10.075.000.000	10.075.000.000
		10.000.000.000	22.043.540.785	22.043.540.785

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	198.000.000.000	197.051.187.673	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long	198.000.000.000	197.051.187.673	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	106.881.626.363	86.511.700.000	105.881.626.363	(20.369.926.363)
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105.881.626.363	85.511.700.000	105.881.626.363	(20.369.926.363)
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	295.089.294.645	256.846.977.450	295.089.294.645	(116.108.685.495)
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295.089.294.645	256.846.977.450	295.089.294.645	(116.108.685.495)
	599.970.921.000	540.409.865.123	400.970.921.008	(136.478.611.858)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

MÃ SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	7.540.631.448	76.851.608.178
Công ty TNHH Hoàng Trung	362.158.913	21.256.655.913
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thủy	173.332.782.139	133.706.404.968
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	32.204.790.738	24.690.856.187
Công ty Sw Intertrade Trading	79.851.295.020	38.863.257.765
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	47.852.914.588	138.554.914.588
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	116.907.512.791	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	167.413.407.959	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	20.124.385.930	38.076.196.264
	645.589.879.526	471.999.893.863

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	280.230.565	-	1.010.617.575	-
Lãi ứng trước tiền hàng cho DAP2 - Vinachem	6.290.512.970	-	6.290.512.970	-
Tạm ứng	1.646.011.706	-	8.010.083.703	-
Ký cược, ký quỹ	8.725.841.952	-	21.951.069.422	-
Cho mượn	-	-	2.000.000.000	-
Các khoản chi hộ	1.016.804.641	-	-	-
Phải thu khác	83.760.024	-	203.915.697	-
	18.043.161.858	-	39.466.199.367	-

T30
JNG
OP
ATN
QU
VGB

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.850.000	-	34.891.747.763	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	423.254.640	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	7.032.452.359	-
Thành phẩm	5.940.828.232	-	32.863.570.963	-
Hàng hoá	42.821.105.726	-	68.975.531.926	-
	48.765.783.958	-	144.186.557.651	-

R

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBảo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật sién trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Tại ngày 01/01/2018	195.519.522.466	67.497.173.579	26.349.950.936	3.216.798.638	-	-	-	-	-	292.583.445.619	
Mua sắm	-	-	594.244.545	776.289.000	-	-	-	-	-	1.370.533.545	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.359.138.561	1.641.959.312	-	-	-	-	-	-	-	11.001.097.873	
Giảm khác	(67.403.758.194)	(68.343.427.170)	(6.668.412.910)	(2.062.880.071)	-	-	-	-	-	(144.478.488.345)	
Tại ngày 30/09/2018	137.474.892.833	795.705.721	20.275.782.571	1.930.207.567	-	-	-	-	-	160.476.588.692	
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2018	15.417.611.580	5.375.328.941	5.603.968.855	999.696.875	-	-	-	-	-	27.396.606.051	
Trích khấu hao	11.144.753.584	2.354.505.550	1.912.708.979	313.906.596	-	-	-	-	-	15.725.874.609	
Giảm khác	(16.371.722.558)	(7.315.708.607)	(2.152.809.248)	(669.404.477)	-	-	-	-	-	(26.509.644.660)	
Tại ngày 30/09/2018	10.190.642.536	414.125.884	5.363.868.586	644.198.994	-	-	-	-	-	16.612.836.000	
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2018	180.101.911.086	62.121.844.638	20.745.982.081	2.217.101.763	-	-	-	-	-	265.186.839.568	
Tại ngày 30/09/2018	127.284.250.297	381.579.837	14.911.913.985	1.286.008.573	-	-	-	-	-	143.863.752.692	

18/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2018	89.347.927.909
Giảm khác	(6.946.277.909)
Tại ngày 30/09/2018	82.401.650.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2018	89.347.927.909
Tại ngày 30/09/2018	82.401.650.000

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/09/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7.829.204.328	7.772.785.980
Công cụ dụng cụ xuất dùng	142.024.782	390.771.342
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	301.857.484	892.160.113
	<u>8.273.086.594</u>	<u>9.055.717.435</u>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	281.470.917.570	281.509.679.301
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	12.035.408.607	10.747.393.718
Chi phí thuê đất tại Nhà máy phân bón NPK	-	6.446.316.690
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	-	2.441.650.356
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.765.857.723	2.265.244.633
Chi phí trả trước dài hạn khác	913.164.421	226.028.030
	<u>296.185.348.321</u>	<u>303.636.312.728</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

MẪU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hoá chất	3.367.679.677	3.367.679.677	7.247.433.897	7.247.433.897
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	-	-	54.513.596.000	54.513.596.000
Công ty Cổ phần đầu tư Sao Thái Dương	39.670.182.567	39.670.182.567	9.701.904.000	9.701.904.000
Công ty Cổ phần DAP 2 - Vinachem	13.368.332.250	13.368.332.250	-	-
Fagro International Trading Fze	21.618.291.282	21.618.291.282	-	-
Các khoản phải trả khác	21.979.231.645	21.979.231.645	28.506.072.736	28.506.072.736
	100.003.717.421	100.003.717.421	99.969.006.633	99.969.006.633



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.548.686.357	25.241.403.333	28.790.089.690	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	15.501.714.316	15.501.714.316	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	6.975.588.578	6.975.588.578	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.008.774.603	-	10.116.208.271	-	-	2.107.433.668
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	113.875.781	113.875.781	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	123.044.000	123.044.000	-	-
	8.008.774.603	3.548.686.357	58.071.834.279	51.504.312.365	-	2.107.433.668

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ph

QUẢN
 NHÀ
 PH
 T
 3082

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

MÃU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/09/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	87.771.476	96.246.232
Bảo hiểm xã hội	74.689.014	111.440.404
Bảo hiểm y tế	11.673.630	19.665.994
Bảo hiểm thất nghiệp	5.103.108	8.740.420
Phải trả theo hợp đồng ủy thác xuất nhập khẩu	5.023.394.886	27.455.920.251
	<u>5.202.632.114</u>	<u>27.692.013.301</u>

8-
V
P.K
3 B
GT

2

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong kỳ		30/09/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	395.600.000.000	395.600.000.000	-	-	395.600.000.000	395.600.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng	45.172.883.793	45.172.883.793	3.972.989	45.176.856.782	-	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng	42.900.000.000	42.900.000.000	90.803.938.601	84.203.938.601	49.500.000.000	49.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Tpbank - Chi nhánh Hải Phòng	2.806.661.000	2.806.661.000	523.334.328	3.329.995.328	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank) - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	4.250.000.000	1.604.200.000	2.645.800.000	2.645.800.000
- Ngân hàng HONG LEONG BANK	-	-	3.761.750.698	3.761.750.698	-	-
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	37.014.001.520	37.014.001.520	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	3.144.602.482	-	3.144.602.482	3.144.602.482

PHÒNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

									MÃ SỐ B 09-DN
Nợ dài hạn đến hạn trả									
-	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	374.640.000	374.640.000	-	280.980.000	93.660.000	93.660.000		
-	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	23.880.000.000	23.880.000.000	-	17.910.000.000	5.970.000.000	5.970.000.000		
-	Công ty CP Quảng Bình Cao Bằng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-		
		670.734.184.793	670.734.184.793	139.501.600.618	233.281.722.929	576.954.062.482	576.954.062.482		
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn									
Vay dài hạn									
-	Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn	140.000.000.000	-	28.190.000.000	28.190.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000		
-	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng	374.640.000	-	-	-	374.640.000	374.640.000		
-	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	173.300.000.000	-	-	-	173.300.000.000	173.300.000.000		
-	Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Việt Nam - CN Hải Phòng	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	-	-		
-	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	440.000.000	73.200.000	366.800.000	366.800.000		
		323.674.640.000	-	28.630.000.000	38.263.200.000	314.041.440.000	314.041.440.000		



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hà PhòngBáo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
09 tháng đầu năm 2018					
Tại ngày 01/01/2018	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	109.294.735.617	809.106.837.017
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	45.837.270.669	45.837.270.669
Tại ngày 30/09/2018	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	155.132.006.286	854.944.107.686

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2018	Tỷ lệ (%)	01/01/2018	Tỷ lệ (%)
	VND		VND	
Ông Nguyễn Thanh Bình	50.000.000.000	7,21%	50.000.000.000	7,21%
Bà Nguyễn Thị Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%
Các cổ đông khác	551.293.490.000	79,52%	551.293.490.000	79,52%
	693.299.280.000	100%	693.299.280.000	100%

NG B
 QUẢ
 JÁT N
 CỔ P
 ONG
 0730

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

MẪU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	09 tháng đầu năm 2018	09 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000

d) Cổ phiếu

	30/09/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/09/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.761.921.400	9.761.921.400
	9.761.921.400	9.761.921.400

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	397.328.469.328	638.986.042.828
Doanh thu bán thành phẩm	1.427.991.450	24.724.251.855
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.883.779.287	35.660.561.779
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	3.245.818.182	-
	404.886.058.247	699.370.856.462

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.497.126.930	21.591.132.061
Giá vốn của hàng hóa đã bán	381.759.777.526	628.656.859.165
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.309.578.620	6.472.622.115
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư đã bán	3.264.000.000	-
	402.830.483.076	656.720.613.341

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

MÃ SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	791.397.749	662.097.287
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	20.052.000	987.158.843
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.479.121.250	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	326.462.530	410.114.086
	6.617.033.529	2.059.370.216

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.678.344.468	14.468.348.673
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.014.832.517	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.083.745.360	342.046.425
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	154.998.835
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(69.915.184.723)	(5.612.485.730)
	(46.138.262.378)	9.352.908.203

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	11.124.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.259.217	81.865.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.744.036.751	2.449.884.570
Chi phí khác bằng tiền	15.300.001	469.564.761
	1.830.595.969	3.012.439.635

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.176.297	79.550.231
Chi phí nhân công	837.907.343	1.036.812.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.373.093.397	206.202.875
Thuế, phí, lệ phí	292.000	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	14.661.267.515	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.222.237.593	1.073.953.797
Chi phí khác bằng tiền	326.359.377	170.688.132
	25.478.333.522	2.567.207.479

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018

MÃU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm 2017, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 09 tháng đầu năm 2017 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017.

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Ngày 20/10/2018



Hải Phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2018

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý III/2018 như sau:

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến ngày 30/09/2018 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQHĐKD của Công ty đạt 23,068 tỷ đồng, giảm 0,956 tỷ đồng so với quý III/2017. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý III/2018 của Công ty đạt 404,886 tỷ đồng, giảm 294,484 tỷ đồng tương ứng giảm 42,11% so với quý III/2017. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 4,557 tỷ đồng so với quý III/2017, tương ứng tăng 221,31%. Thu nhập khác giảm 1.024 tỷ tương ứng giảm 99,44% so với quý III/2017.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 253,89 tỷ đồng, tương ứng giảm 38,66% so với Quý III/2017. Chi phí tài chính giảm 55,491 tỷ đồng tương ứng giảm 593,3% so với quý III/2017 do trong quý III/2018 Công ty đã thực hiện hoàn lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP DAP-VINACHEM. Chi phí khác giảm 0,739 tỷ so với quý III/2017 tương ứng giảm 96,11 %. Lợi nhuận khác giảm 0,284 tỷ đồng, tương ứng giảm 109,3%.
- Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý III/2018 giảm 0,956 tỷ đồng tương ứng giảm 3,98% so với quý III/2017.



Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh quý III/2018 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thanh Hương

